

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2020/HSST

Ngày 17/4/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Ly

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Nik Êban.

2. Bà Nguyễn Thị Mai

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** bà Võ Thị Hương Trà– Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*** ông Dương Minh Xuân– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/HSST ngày 22/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HS ngày 06/3/2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn Q** - sinh năm 1989, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: thôn QT, xã T, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 11/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và con bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964. Có vợ là Nhữ Thị Thu L, sinh năm 1993 và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016). Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**2. Nhữ Công N** - sinh năm 1994, tại: tỉnh Đ. Nơi cư trú: thôn QT1 1, xã T, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Nhữ Công N, sinh năm 1972 và con bà Hoàng Thị A, sinh năm 1976. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**3. Nguyễn Văn G** - sinh năm 1987, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: thôn TH, xã T, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Văn L và con bà Chu Thị M (đều đã chết). Có vợ là Trương Thị L, sinh năm 1987 và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012). Tiền án: không. Tiền sự: ngày 18/01/2019, bị Công an huyện Ea Kar Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Chứa bạc” với mức phạt 7.500.000<sup>d</sup> và đã nộp phạt ngày 29/01/2019. Nhân thân: chưa có án tích nhưng đã bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**4. Nguyễn Tiến S** - sinh năm 1978, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: thôn 7, xã C, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 5/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Tiến C (đã chết) và con bà Vũ Thị T, sinh năm 1945. Có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1980 và 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003). Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**5. Nguyễn Văn N1** - sinh năm 1982, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: tổ dân phố A, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Văn Tr (đã chết) và con bà Đinh Thị Ch, sinh năm 1938. Có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**6. Đinh Hữu H** - sinh năm 1975, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: thôn 2, xã P, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 11/12. Dân tộc: Nùng. Tôn giáo: không. Con ông Đinh Hữu Tr1, sinh năm 1945 và con bà Vũ Thị G, sinh năm 1948. Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 và 03 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**7. Nguyễn Văn Q** - sinh năm 1981, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: thôn QT1 1, xã T, huyện E, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 5/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1930. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 15/8/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Đánh bạc”, đến ngày 28/7/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù - đã được xóa án tích. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

**8. Lê Hồng S11** - sinh năm 1973, tại: tỉnh HD. Nơi cư trú: thôn 2, xã P, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 7/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Lê Hồng T, sinh năm 1950 và con bà Nguyễn Thị S (đã chết). Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 và 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004). Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 02/10/2019, đến ngày 08/10/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại - có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** ông Trần Văn T, sinh năm 1963 – Vắng mặt và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964. Nơi cư trú: thôn QT, xã T, huyện E, tỉnh Đ – Có mặt.

- **Người làm chứng:** ông Trần Văn H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn TA, xã T, huyện E, tỉnh Đ – Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ông Trần Văn T là chủ quán cà phê Fuji, do kinh doanh không có lợi nhuận cao nên cùng vợ và con dâu đi vào làm rẫy của gia đình tại xã P, huyện M. Ông T giao lại quán cà phê và nhà ở cho con trai là Trần Văn Q quản lý, trông coi. Trong thời gian này có người đến quán uống cà phê và đặt vấn đề muốn được đánh bạc tại nhà ở do Q quản lý nên Q nảy sinh ý định tổ chức sòng bạc để thu tiền xâu. Để đảm bảo an toàn cho những người đến tham gia đánh bạc Q thuê Nhữ Công N có nhiệm vụ phục vụ nước uống, canh gác, cảnh giới khu vực bên ngoài khi sòng bạc hoạt động và thu tiền xâu, một ngày Q trả cho N 100.000<sup>d</sup> thì được Nguyên đồng ý.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/10/2019, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1 và Nguyễn Văn N1 đến quán cà phê Fuji đặt vấn đề với Q đánh bài liêng được thua bằng tiền. Q đồng ý nên dẫn 04 người xuống phòng bếp của gia đình để đánh bạc, tại đây Q chuẩn bị một bộ bài tây 52 lá, 01 chiếu nhựa nhiều màu và 01 tấm nệm màu nâu để phục vụ việc đánh bạc. Một lúc sau có Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H cùng đến tham gia đánh bạc. Các đối tượng thống nhất hình thức đánh bài liêng được thua bằng tiền như sau: Sáu người ngồi quay thành vòng tròn, sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia mỗi người 03 lá bài rồi tính tổng điểm để xem bài của ai cao hay thấp. Khi chơi thì mỗi người phải đặt 50.000<sup>d</sup> (năm mươi nghìn đồng) gọi là “tiền nước”, sau khi chia 03 lá bài thì người chơi có quyền tố, mỗi lần tố phải bỏ thêm tiền nhưng không quá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng) những người còn lại bỏ bài không tố hoặc tố, nếu tố phải bỏ số tiền cao hơn người tố trước đó, mỗi ván người chơi được tố một lần đến hai lần, nếu không có ai tố thì tất cả lật bài lên để xác định thắng thua, người thắng từ 500.000<sup>d</sup> trở lên (**không tính tiền bỏ ra lúc ban đầu và tiền tố thêm**) phải bỏ tiền xâu 50.000<sup>d</sup> để trả cho Q. Khi đánh bài liêng thì G bỏ ra số tiền 2.500.000<sup>d</sup>, S

bỏ ra số tiền 1.500.000<sup>d</sup>, H bỏ ra số tiền hơn 1.100.000<sup>d</sup>, N bỏ ra số tiền 2.800.000<sup>d</sup>, S1 bỏ ra số tiền hơn 8.000.000<sup>d</sup> và Q bỏ ra số tiền hơn 2.000.000<sup>d</sup> để đánh bạc. Đến khoảng **14 giờ 30 phút** cùng ngày, N vào thu tiền xâu được 600.000<sup>d</sup> đưa cho Q, Q đưa lại cho N 100.000<sup>d</sup>, số tiền còn lại Q giữ. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Văn N1, Đinh Hữu H, Nguyễn Văn Q và Lê Hồng S1 đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 20.050.000<sup>d</sup>.

Ngoài ra, quá trình điều tra Trần Văn Q và Nhữ Công N còn khai nhận: Ngoài lần tổ chức đánh bạc bị bắt quả tang, Q còn tổ chức đánh bạc 02 lần trước đó và thuê N làm nhiệm vụ canh giới, cụ thể: ngày 30/9/2019, Q đã thu được tiền xâu 350.000<sup>d</sup> trả công cho N số tiền 100.000<sup>d</sup>; ngày 01/10/2019, Q thu được tiền xâu 750.000<sup>d</sup> trả công cho N số tiền 100.000<sup>d</sup>. Tuy nhiên, Q và N không xác định được các lần này tổ chức đánh bạc cho những ai và số tiền mà các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là bao nhiêu. Đấu tranh với các đối tượng có liên quan cũng không có cơ sở xác định số tiền đã dùng vào việc đánh bạc vào các ngày nêu trên.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc, gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 20.050.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); 52 lá bài tây; 01 chiếu nhựa nhiều màu có kích thước 1,73m x 1,83m và 01 tấm nệm màu nâu có kích thước 50cm x 50cm.

Thu giữ trên người của Nguyễn Văn N1 số tiền 2.500.000<sup>d</sup>; thu giữ của Trần Văn Q số tiền 500.000<sup>d</sup> và Nhữ Công N số tiền 100.000<sup>d</sup>. Quá trình điều tra, xác định số tiền 2.500.000<sup>d</sup> thu giữ trên người của Nguyễn Văn N1 không sử dụng vào việc đánh bạc nên Công an huyện Ea Kar đã giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn N1 số tiền này.

Quá trình điều tra xác định: phòng bếp của căn nhà ở mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Y là bố mẹ đẻ của Trần Văn Q giao cho Q quản lý trông coi, họ hoàn toàn không biết việc Q đã cho các đối tượng sử dụng làm nơi đánh bạc nên các cơ quan tiến hành tố tụng không định giá tài sản để truy thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố và biên bản bắt người phạm tội quả tang. Các bị cáo xác định: Ngày 02/10/2019, bị cáo Q là người tổ chức đánh bạc và thu tiền xâu 600.000<sup>d</sup>, bị cáo N có nhiệm vụ phục vụ nước, canh gác, canh giới để báo động khi có cơ quan chức năng kiểm tra và được bị cáo Quyền trả công 100.000<sup>d</sup>. Có 06 (sáu) bị cáo trực tiếp đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng được thua bằng tiền, gồm: bị cáo G dùng số tiền 2.500.000<sup>d</sup>, bị cáo S dùng số tiền 1.500.000<sup>d</sup>, bị cáo H dùng số tiền hơn 1.100.000<sup>d</sup>, bị cáo N dùng số tiền 2.800.000<sup>d</sup>, bị cáo S1 dùng số tiền hơn 8.000.000<sup>d</sup> và bị cáo Q dùng số tiền hơn 2.000.000<sup>d</sup> để đánh bạc và bị bắt quả tang, cơ quan điều

tra Công an tỉnh Đắk Lắk thu trên chiếu bạc số tiền là 20.050.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, trước đó bị cáo Q có tổ chức cho các đối tượng (không xác định cụ thể) đánh bạc 2 ngày (ngày 30/9 và 01/10/2019) và thu tiền xâu được 1.100.000<sup>d</sup>, đã trả tiền công cho bị cáo N 200.000<sup>d</sup>, còn được hưởng 900.000<sup>d</sup>. Việc bị cáo tổ chức đánh bạc, bố mẹ bị cáo hoàn toàn không biết gì.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố: các bị cáo Trần Văn Q và Nhữ Công N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố luận tội: Hành vi của các bị cáo Trần Văn Q và Nhữ Công N đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”; hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

Do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q và Nhữ Công N, phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Trần Văn Q: từ 15 – 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 – 36 tháng.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng thêm Điều 35 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Nhữ Công N: từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt: Nguyễn Văn Q: 09 – 12 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

4. Xử phạt: Lê Hồng S1: từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng thêm Điều 35 Bộ luật hình sự:

-Xử phạt bị cáo Lê Hồng S1 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt: Nguyễn Văn G: 20 - 26 tháng cải tạo không giam giữ.

6. Xử phạt: Nguyễn Văn N1: 18 – 24 tháng cải tạo không giam giữ.

7. Xử phạt: Nguyễn Tiến S: 18 – 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

8. Xử phạt: Đinh Hữu H: 18 – 24 tháng cải tạo không giam giữ.

**Về xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền do phạm tội mà có là 20.650.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó: tiền thu trên chiếu bạc là 20.050.000<sup>d</sup>; tiền thu giữ trên người của bị cáo Quyền 500.000<sup>d</sup> và tiền thu giữ trên người của bị cáo Nguyên 100.000<sup>d</sup>.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây gồm 52 lá bài; 01 chiếu nhựa nhiều màu có kích thước 1,73m x 1,83m và 01 tấm nệm màu nâu có kích thước 50cm x 50cm là công cụ dùng phạm tội.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000<sup>d</sup> (một triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền do phạm tội mà có, trong đó bị cáo Trần Văn Q tự nguyện nộp 900.000<sup>d</sup>, bị cáo Nhữ Công N tự nguyện nộp 200.000<sup>d</sup>.

- Chấp nhận việc Công an huyện Ea Kar đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N1 số tiền 2.500.000<sup>d</sup> (hai triệu năm trăm nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo đều đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và không tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng 08 (tám) bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Xét lời khai của các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H tại

phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/10/2019, bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Nhữ Công N tổ chức cho các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng được thua bằng tiền với tổng số tiền thu trên chiếu bạc khi bắt quả tang là 20.050.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Q thu được tiền xâu là 600.000<sup>d</sup> và trả tiền công cho bị cáo Nguyễn 100.000<sup>d</sup>, phần còn lại bị cáo Q hưởng lợi.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi bởi lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với các bị cáo Trần Văn Q và Nhữ Công N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

***Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:***

*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

***Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định:***

*1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

*c, Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên.*

*d, ... hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc;*

[2] Đối với tội tổ chức đánh bạc: Bị cáo Q là người trực tiếp tổ chức tại phòng bếp được giao trông coi, quản lý, đồng thời là người chuẩn bị công cụ phục vụ việc đánh bạc nên có vai trò chính. Bị cáo N là người được bị cáo Q thuê có nhiệm vụ phục vụ nước uống cho các con bạc và là người canh gác nên có vai trò thứ yếu.

Đối với tội đánh bạc: các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đều là những người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo S1 là người đánh bạc với số tiền lớn nhất, sau đó là các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn Q; bị cáo Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H là người đánh bạc với số tiền ít nhất.

Đối với bị cáo Q: ngày 15/8/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt: 01(một) năm tù về tội “Đánh bạc”, đến ngày 28/7/2015 bị cáo Q chấp hành xong hình phạt tù. Mặc dù, tính đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích, không xác định có tiền án nhưng cũng cần xem xét về việc bị cáo có nhân thân xấu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò đối với mỗi bị cáo nhằm tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* xét nhân thân các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đều chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Các bị cáo Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 08 bị cáo đều thành khẩn khai báo, thật thà ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo Q và bị cáo N, sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả. Bị cáo Lê Hồng S1 có cha mẹ đẻ là ông Lê Hồng T được Nhà nước tặng huân chương chiến công hạng nhất nên là người có công với cách mạng; Bị cáo S1 có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, vợ bị bệnh U phổi phải thường xuyên điều trị, bản thân là lao động chính trong gia đình. Bị cáo phải nuôi con nhỏ, bản thân bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Bị cáo Nguyễn Văn G tuy có nhân thân xấu, nhưng điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với mỗi bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Đối với các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N, Lê Hồng S1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, quy định địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo là phù hợp.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội. Các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội các bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Xét mức thu nhập: các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H đều có điều kiện khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Vì vậy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Về hình phạt bổ sung: chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Lê Hồng S1 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 (một) bộ bài tây gồm 52 lá bài; 01 chiếc nhựa nhiều màu có kích thước 1,73m x 1,83m và 01 tấm nệm màu nâu có kích thước 50cm x 50cm là công cụ dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu trên chiếc bạc là 20.050.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền thu giữ trên người của bị cáo Quyền 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), thu giữ trên người của bị cáo Nguyên 100.000<sup>d</sup> (một trăm nghìn đồng) đều là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000<sup>d</sup> (một triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền do phạm tội mà có, trong đó bị cáo Trần Văn Q tự nguyện nộp 900.000<sup>d</sup>, bị cáo Nhữ Công N tự nguyện nộp 200.000<sup>d</sup>.

- Quá trình điều tra, Công an huyện Ea Kar đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N1 số tiền 2.500.000<sup>d</sup> (hai triệu năm trăm nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét việc xử lý vật chứng của Công an huyện Ea Kar là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**Tuyên bố**: các bị cáo Trần Văn Q và Nhữ Công N, phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H, phạm tội “Đánh bạc”.

## **I. Hình phạt chính:**

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**1. Xử phạt: Trần Văn Q: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.**

Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**2. Xử phạt: Nhữ Công N: 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.**

Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**3. Xử phạt: Lê Hồng S1: 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.**

Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**4. Xử phạt: Nguyễn Văn Q: 01 (Một) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2019 đến ngày 30/12/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

**5. Xử phạt: Nguyễn Văn G: 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019 là 07 ngày bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Văn G còn phải chấp hành 19 (Mười chín) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.**

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ea Kar được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

**6. Xử phạt: Nguyễn Văn N1: 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019 là 07 ngày bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Văn N1 còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.**

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết

định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo được miễn khẩu trừ thu nhập.

**7. Xử phạt: Nguyễn Tiến S:** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019 là 07 ngày bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Tiến S còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân Cư Prông, huyện Ea Kar được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo được miễn khẩu trừ thu nhập.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

**8. Xử phạt: Đinh Hữu H:** 18 (Mười tám) cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019 là 07 ngày bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đinh Hữu H còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện M'Đrăk được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo được miễn khẩu trừ thu nhập.

Giao các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Lê Hồng S1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N và Lê Hồng S1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn G cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện E, tỉnh Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện E, tỉnh Đ

giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Đinh Hữu H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

## **II. Hình phạt bổ sung:** áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự:

1. Phạt bị cáo Trần Văn Q: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)
2. Phạt bị cáo Lê Hồng S1: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Các bị cáo phải nộp tiền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**[2] Về xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền do phạm tội mà có là 20.650.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2013/16022 ngày 22/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây gồm 52 lá bài; 01 chiếu nhựa nhiều màu có kích thước 1,73m x 1,83m và 01 tấm nệm màu nâu có kích thước 50cm x 50cm là công cụ dùng phạm tội có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 01 năm 2020 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000<sup>d</sup> (một triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền thu lợi do phạm tội mà có, trong đó bị cáo Trần Văn Q tự nguyện nộp 900.000<sup>d</sup>, bị cáo Nhữ Công N tự nguyện nộp 200.000<sup>d</sup>.

- Chấp nhận việc Công an huyện Ea Kar đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N1 số tiền 2.500.000<sup>d</sup> (hai triệu năm trăm nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

**[3] Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự: các bị cáo Trần Văn Q, Nhữ Công N, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Q, Lê Hồng S1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tiến S và Đinh Hữu H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**[4] Quyền kháng cáo:** các bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết hợp nơi đương sự cư trú.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.” ./.*

**Nơi nhận:**

- Các Bị cáo;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND EaKar, Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT – Công an EaKar;
- CQ THADS;
- Lưu HS;
- VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Ly**